

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
MÔN ĐỊA LÝ

(Dự thảo ngày 19 tháng 01 năm 2018)

Hà Nội, tháng 01 năm 2018

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC.....	3
II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH.....	3
III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH.....	5
IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.....	5
V. NỘI DUNG GIÁO DỤC.....	9
LỚP 10.....	12
LỚP 11.....	22
LỚP 12.....	33
VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC.....	47
VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC.....	49
VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	51
TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH.....	55

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC

Giáo dục Địa lí được thực hiện ở tất cả các cấp học phổ thông. Ở tiểu học và trung học cơ sở, nội dung giáo dục địa lí nằm trong môn Lịch sử và Địa lí; còn ở trung học phổ thông, Địa lí là môn học độc lập thuộc nhóm các môn học được lựa chọn.

Địa lí góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất và năng lực chung, đồng thời phát triển các năng lực chuyên môn gắn liền với đặc thù của môn học như: nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí, sử dụng các công cụ của Địa lí học; thu thập, xử lí và truyền đạt thông tin địa lí; vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí vào thực tiễn.

Là môn học vừa thuộc lĩnh vực khoa học xã hội (Địa lí kinh tế – xã hội) vừa thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên (Địa lí tự nhiên), môn Địa lí giúp học sinh nắm được những đặc điểm tổng quát của khoa học Địa lí, các ngành nghề có liên quan đến địa lí, khả năng ứng dụng kiến thức địa lí trong đời sống; đồng thời, củng cố và mở rộng nền tảng tri thức, kĩ năng phổ thông cốt lõi đã được hình thành ở giai đoạn giáo dục cơ bản, tạo cơ sở vững chắc giúp học sinh tiếp tục theo học các ngành nghề có liên quan.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Cụ thể hoá Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể

Chương trình môn Địa lí cụ thể hoá các quy định cơ bản được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, gồm:

- định hướng chung cho tất cả các môn học như: quan điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt, kế hoạch giáo dục và các định hướng về nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả, điều kiện thực hiện và phát triển chương trình;
- định hướng xây dựng chương trình giáo dục khoa học xã hội.

2. Xây dựng theo định hướng phát triển năng lực

Chương trình môn Địa lí xác định rõ các phẩm chất và năng lực có thể hình thành, phát triển qua môn Địa lí. Một mặt, chương trình coi các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực là cơ sở và điểm xuất phát để lựa chọn các nội dung dạy học; mặt khác, chương trình hình thành và phát triển các phẩm chất và năng lực cho học sinh thông qua việc hướng dẫn học sinh tiếp thu và vận dụng hệ thống kiến thức cơ bản của môn học.

3. Kế thừa và phát huy ưu điểm của các chương trình đã có

Chương trình môn Địa lí kế thừa và phát huy ưu điểm của những chương trình đã có, tiếp thu kinh nghiệm phát triển chương trình môn học của các nước có nền giáo dục tiên tiến, tiếp cận với những thành tựu của khoa học Địa lí; phù hợp với thực tiễn xã hội, giáo dục, điều kiện và khả năng học tập của học sinh ở các vùng, miền khác nhau. Nội dung được thiết kế theo ba mạch: địa lí đại cương, địa lí thế giới, địa lí Việt Nam, bao gồm kiến thức về địa lí tự nhiên và địa lí kinh tế – xã hội; phát triển, mở rộng và nâng cao nội dung địa lí đã học ở cấp trung học cơ sở; bảo đảm tinh gọn, cơ bản, cập nhật các tri thức khoa học, hiện đại của Địa lí học, các vấn đề về phát triển của thế giới, khu vực, Việt Nam và của các địa phương. Các nội dung và yêu cầu cần đạt đưa vào chương trình có tính đến sự phù hợp với thực tế dạy học hiện nay ở trường phổ thông trong định hướng phát triển.

4. Chú trọng tích hợp, thực hành

Chương trình môn Địa lí chú trọng tích hợp, thực hành, gắn nội dung môn học với thực tiễn nhằm rèn luyện cho học sinh kĩ năng vận dụng kiến thức địa lí vào việc tìm hiểu và giải quyết ở mức độ nhất định một số vấn đề của thực tiễn, đáp ứng đòi hỏi của cuộc sống.

Tính tích hợp được thể hiện ở nhiều mức độ và hình thức khác nhau: Tích hợp giữa các kiến thức địa lí tự nhiên, địa lí dân cư, xã hội và địa lí kinh tế trong môn học; lồng ghép các nội dung liên quan (như giáo dục dân số, giới tính, tài chính, môi trường, di sản, an toàn giao thông,...) vào nội dung địa lí; vận dụng kiến thức các môn học khác (Vật lí, Hoá học, Sinh học, Lịch sử,...) trong việc làm sáng rõ các kiến thức địa lí; hội tụ kiến thức nhiều lĩnh vực khác nhau để xây dựng thành các chủ đề có tính tích hợp cao (như phát triển kinh tế biển đảo, biến đổi khí hậu toàn cầu, đô thị hoá ở trên thế giới, phát triển bền vững,...).

Chương trình xem thực hành, luyện tập, vận dụng là nội dung quan trọng, đồng thời là công cụ thiết thực, hiệu quả để phát triển năng lực học sinh. Nội dung này được tăng cường thời gian thực học của chương trình với các hình thức, nội dung và phương pháp đa dạng; chú trọng việc vận dụng kiến thức địa lí vào thực tiễn nhằm trực tiếp phát triển các năng lực chuyên môn của Địa lí.

5. Có tính mở, phân hoá và định hướng nghề nghiệp

Trên cơ sở bảo đảm định hướng, yêu cầu cần đạt và những nội dung giáo dục cốt lõi thống nhất trong cả nước, chương trình dành thời lượng nhất định để các trường hướng dẫn học sinh thực hành tìm hiểu địa lí địa phương phù hợp với điều kiện của mình.

Các nội dung cốt lõi của chương trình được trình bày theo hướng khái quát, không đi sâu vào chi tiết, tạo điều kiện cho tác giả sách giáo khoa và giáo viên các trường chủ động, sáng tạo trong thực hiện chương trình; đồng thời đáp ứng yêu cầu ổn định lâu dài của chương trình trong điều kiện khoa học, công nghệ và xã hội liên tục phát triển, thường xuyên đặt ra những yêu cầu mới cho giáo dục.

Đối với những học sinh có định hướng nghề nghiệp cần sử dụng nhiều kiến thức địa lí, chương trình có các chuyên đề học tập ở mỗi lớp. Các chuyên đề của chương trình môn Địa lí chủ yếu thuộc về ba nhóm: a) Nâng cao kiến thức; b) Phát triển, hoàn thiện kĩ năng địa lí; c) Bồi dưỡng phương pháp nghiên cứu, học tập địa lí; nhằm thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, giúp học sinh tăng cường kiến thức và kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào giải quyết một số vấn đề thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp.

III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình môn Địa lí cụ thể hoá mục tiêu chương trình giáo dục phổ thông tổng thể; tiếp tục phát triển ở học sinh những phẩm chất, năng lực đã được hình thành trong giai đoạn giáo dục cơ bản; phát triển và hoàn thiện các năng lực đặc thù môn học như: nhận thức thế giới theo quan điểm không gian; giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí; sử dụng các công cụ của Địa lí học và tổ chức học tập thực địa; thu thập, xử lí và truyền đạt thông tin địa lí; vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn và định hướng nghề nghiệp. Các năng lực này được hình thành và phát triển thông qua việc trang bị những kiến thức về địa lí đại cương, địa lí kinh tế – xã hội thế giới, địa lí Việt Nam và phương pháp giáo dục đề cao hoạt động chủ động, tích cực, sáng tạo của học sinh.

IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Thông qua chương trình môn Địa lí, học sinh cần hình thành, phát triển được thế giới quan khoa học và các phẩm chất yêu thiên nhiên; có ý thức, niềm tin và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ

môi trường; yêu quý người lao động, tôn trọng những giá trị nhân văn khác nhau; rèn luyện được sự tự tin, trung thực, khách quan; đồng thời hình thành và phát triển được các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Học sinh cần hình thành và phát triển được năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội, cụ thể là năng lực địa lí, bao gồm các thành phần sau:

– Năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Nhận thức được các sự vật, hiện tượng, quá trình địa lí gắn với lãnh thổ, đáp ứng các câu hỏi chủ yếu: cái gì? ở đâu? như thế nào?

– Năng lực giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí (tự nhiên, kinh tế – xã hội): Nhận thức và phát triển được kĩ năng phân tích các mối liên hệ (tương hỗ, nhân quả) giữa các hiện tượng, quá trình địa lí tự nhiên; giữa các hiện tượng, quá trình địa lí kinh tế – xã hội cũng như giữa hệ thống tự nhiên và hệ thống kinh tế – xã hội.

– Năng lực sử dụng các công cụ của Địa lí học và tổ chức học tập thực địa: Sử dụng được bản đồ, atlas địa lí, lược đồ, biểu đồ, sơ đồ, lát cắt, mô hình, bảng số liệu, tranh ảnh,...; tổ chức được các hoạt động học tập thực địa như tìm hiểu, khảo sát, điều tra địa lí địa phương.

– Năng lực thu thập, xử lí và truyền đạt thông tin địa lí: Thu thập, chọn lọc, hệ thống hoá được tư liệu, tài liệu; viết báo cáo; truyền đạt thông tin địa lí.

– Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn: Liên hệ được kiến thức địa lí với thực tiễn, vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã học vào nhận thức hoặc nghiên cứu một chủ đề vừa sức trong thực tiễn, vào việc ứng xử phù hợp với môi trường.

Biểu hiện cụ thể của năng lực địa lí

Năng lực thành phần	Biểu hiện
Năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng được bản đồ địa hình kết hợp với địa bàn để xác định vị trí của một điểm trên thực địa. – Xác định được vị trí địa lí tự nhiên, kinh tế, chính trị trên bản đồ thế giới, bản đồ của một quốc gia, khu vực. – Xác định được vị trí địa lí của đối tượng theo điểm (thành phố; điểm, trung tâm công nghiệp,...) và theo diện (vùng nông nghiệp, công nghiệp, du lịch; vùng kinh tế,...).

Năng lực thành phần	Biểu hiện
	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với tự nhiên, phát triển kinh tế – xã hội của một quốc gia, khu vực, của Việt Nam. – Xác định được sự phân bố các đối tượng địa lí ở quốc gia, khu vực, Việt Nam và trên thế giới. – Xác định được một số đặc trưng của các bộ phận lãnh thổ tự nhiên; về tự nhiên, dân cư, kinh tế của một số khu vực và quốc gia; của các vùng trong một quốc gia; so sánh giữa một số quốc gia, khu vực, vùng,... – Phát hiện, chọn lọc, tổng hợp được những đặc trưng của các bộ phận tự nhiên; về tự nhiên, dân cư, kinh tế của các vùng kinh tế của Việt Nam.
Năng lực giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí (tự nhiên, kinh tế – xã hội)	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được cơ chế diễn ra một số hiện tượng, quá trình tự nhiên trên Trái Đất; sự hình thành, phát triển và phân bố của một số yếu tố hoặc thành phần tự nhiên. – Vận dụng được các quy luật địa lí chung vào việc giải thích một số đặc điểm của sự vật, hiện tượng tự nhiên trên Trái Đất và ở lãnh thổ Việt Nam. – Giải thích được một số hiện tượng, quá trình địa lí tự nhiên trong thực tế địa phương. – Vận dụng được mối liên hệ giữa các yếu tố dân cư với nhau, giữa dân cư với kinh tế, giữa kinh tế với kinh tế để giải thích các sự vật, hiện tượng, đặc điểm, quá trình phát triển ở mỗi quốc gia, khu vực và ở Việt Nam. – Vận dụng được mối liên hệ của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên để giải thích sự phân bố dân cư và kinh tế. – Phân tích được tác động tích cực, tiêu cực của con người đến môi trường tự nhiên. – Phân tích được tác động của con người đến môi trường tự nhiên thông qua hoạt động khai thác tài nguyên. – Giải thích được tính cấp thiết của việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường ở nước ta.

Năng lực thành phần	Biểu hiện
<p>Năng lực sử dụng các công cụ của địa lí học và tổ chức học tập thực địa</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng được bản đồ, lược đồ để khai thác thông tin, kiến thức về một chủ đề địa lí; về đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế, nhận xét sự phân bố đối tượng địa lí trên bản đồ của một số quốc gia, khu vực và thế giới. – So sánh được sự phân bố của các đối tượng địa lí trên bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam. – Khai thác được các kênh thông tin bổ sung (bảng số liệu, biểu đồ, tranh ảnh,...) từ lược đồ, bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam. – Thực hiện được một số tính toán đơn giản (tính GDP bình quân đầu người, tốc độ tăng trưởng kinh tế,...). – Nhận xét, phân tích được các bảng số liệu thống kê. – Xây dựng được các bảng thống kê có cấu trúc phù hợp với ý tưởng phân tích số liệu. – Đọc được lát cắt địa lí tự nhiên; phân tích được một số kiểu tháp dân số tiêu biểu. – Lựa chọn được các dạng biểu đồ thích hợp hoặc biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện động thái, cơ cấu, quy mô,... của đối tượng địa lí. – Vẽ được biểu đồ đảm bảo tính khoa học, trực quan và thẩm mỹ. – Nhận xét được biểu đồ đã có; rút ra được các nhận xét từ các biểu đồ đã vẽ và giải thích. – Tìm kiếm, chọn lọc được thông tin trên Internet phù hợp với nội dung, chủ đề nghiên cứu. – Sử dụng được tranh, ảnh địa lí để miêu tả những hiện tượng, quá trình địa lí có tính khái quát. – Lập được bộ sưu tập tranh ảnh (bản giấy và bản kĩ thuật số). – Làm việc có kết quả với các mô hình mô phỏng một số quá trình trong tự nhiên. – Xây dựng được kế hoạch học tập thực địa; vạch tuyến cần tìm hiểu, chọn điểm quan sát với sự giúp đỡ của giáo viên.

Năng lực thành phần	Biểu hiện
	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng được những kỹ năng cần thiết để thu thập tài liệu sơ cấp ngoài thực địa: quan sát, quan trắc, chụp ảnh thực địa, phỏng vấn, vẽ lược đồ, sơ đồ. – Trình bày được những thông tin thu thập được từ thực địa.
Năng lực thu thập, xử lý và truyền đạt thông tin địa lí	<ul style="list-style-type: none"> – Thu thập, xử lý, hệ thống hoá được thông tin từ nhiều nguồn khác nhau theo chủ đề. – Xây dựng được đề cương báo cáo, định hướng được nguồn tài liệu, tư liệu phục vụ viết báo cáo. – Viết được báo cáo hoàn chỉnh và trình bày thông tin địa lí theo các hình thức khác nhau (lời, bài viết...).
Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn	<ul style="list-style-type: none"> – Liên hệ và làm rõ được mối quan hệ chặt chẽ giữa nội dung học tập với các vấn đề về tự nhiên, dân cư, kinh tế – xã hội trong thực tiễn của địa phương, đất nước và thế giới. – Trình bày ý tưởng và xác định được cụ thể chủ đề nghiên cứu ở địa phương. – Vận dụng được kiến thức, kỹ năng địa lí vào việc nghiên cứu một số chủ đề của đất nước, địa phương do cá nhân hoặc nhóm học sinh đề xuất. – Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng địa lí vào việc ứng xử phù hợp với môi trường.

V. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Nội dung khái quát

1.1. Các mạch kiến thức cốt lõi

Mạch nội dung	Lớp	10	11	12
I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG				
1. Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp cho học sinh		.		
2. Sử dụng bản đồ		.		
II. ĐỊA LÍ ĐẠI CƯƠNG				
1. Địa lí tự nhiên đại cương		.		
2. Địa lí kinh tế – xã hội đại cương		.		
III. ĐỊA LÍ THẾ GIỚI				
1. Một số vấn đề kinh tế – xã hội thế giới			.	
2. Địa lí khu vực và quốc gia			.	
IV. ĐỊA LÍ VIỆT NAM				
1. Địa lí tự nhiên				.
2. Địa lí dân cư				.
3. Địa lí các ngành kinh tế				.
4. Địa lí các vùng kinh tế				.
5. Thực hành tìm hiểu địa lí địa phương (cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương)				.

1.2. Các chuyên đề học tập

	Tên chuyên đề	Lớp		
		10	11	12
Loại chuyên đề	1. Biến đổi khí hậu	.		
	2. Đô thị hoá	.		
	3. Một số vấn đề về du lịch thế giới	.		
	4. Một số vấn đề về khu vực Đông Nam Á (Ủy hội sông Mê Công, hợp tác hoà bình trong khai thác Biển Đông)		.	
	5. Thiên tai và biện pháp phòng tránh			.
	6. Phát triển vùng			.
II. Phát triển, hoàn thiện kĩ năng địa lí	7. Làm việc với Atlas Địa lí Việt Nam, số liệu thống kê kinh tế, biểu đồ			.
III. Bồi dưỡng phương pháp nghiên cứu, học tập Địa lí	8. Phương pháp viết báo cáo địa lí		.	

2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp

LỚP 10: ĐỊA LÍ ĐẠI CƯƠNG

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
A. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG	
Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp cho học sinh – Khái quát về Địa lí học và môn Địa lí ở phổ thông, vai trò của Địa lí học, Địa lí với cuộc sống – Định hướng nghề nghiệp	– Khái quát hoá được những đặc điểm cơ bản của Địa lí học và môn Địa lí ở phổ thông cũng như những nét hấp dẫn của môn học. – Phân tích được những cơ hội và thách thức của Địa lí học trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư. – Xác định được những ngành nghề có định hướng chủ yếu là khoa học xã hội và nhân văn, tiếp đến là một số ngành khoa học khác để có cơ sở lựa chọn.
Sử dụng bản đồ – Một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ – Phương pháp sử dụng bản đồ trong học tập địa lí và trong đời sống – Một số ứng dụng của GPS, Google Map và bản đồ số trong đời sống	– Phân biệt được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ: ký hiệu, đường chuyển động, chấm điểm, khoanh vùng, bản đồ – biểu đồ. – Sử dụng được bản đồ trong học tập địa lí và trên thực tế. . – Xác định và sử dụng được một số ứng dụng của GPS, Google Map và bản đồ số trong đời sống.
B. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN ĐẠI CƯƠNG Trái Đất	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Học thuyết về sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất – Thuyết kiến tạo mảng – Các chuyển động chính của Trái Đất và hệ quả địa lí 	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được nguồn gốc hình thành Trái Đất, đặc điểm của vỏ Trái Đất, các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất. – Trình bày được khái quát thuyết kiến tạo mảng; vận dụng để giải thích nguyên nhân hình thành các vùng núi trẻ, các vành đai động đất, núi lửa. – Phân tích được hệ quả địa lí của các chuyển động chính của Trái Đất (chuyển động tự quay và chuyển động quanh Mặt Trời). – Liên hệ được thực tế địa phương về các mùa trong năm và chênh lệch thời gian ngày đêm. – Phân tích được hình vẽ, lược đồ về các hệ quả chuyển động của Trái Đất, cấu trúc của vỏ Trái Đất, các mảng kiến tạo chính,...
<p>Thạch quyển</p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm thạch quyển – Quá trình nội sinh, ngoại sinh – Sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân biệt được thạch quyển và vỏ Trái Đất. – So sánh được quá trình nội sinh và ngoại sinh; vận dụng quá trình nội sinh, ngoại sinh để giải thích được khái quát sự hình thành một số dạng địa hình bề mặt Trái Đất. – Phân tích được sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh về các sự vật, hiện tượng... trong thạch quyển. – Nhận xét và giải thích được sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa trên bản đồ.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>Khí quyển</p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm khí quyển – Nhiệt độ không khí – Khí áp và gió – Mưa – Các đới và kiểu khí hậu trên Trái Đất 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được khái niệm khí quyển. – Trình bày được sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ địa lí; lục địa, đại dương; địa hình và phân tích được các nhân tố tác động. – Phân tích được tác động của một số yếu tố đến sự phân bố của khí áp trên Trái Đất, nguyên nhân hình thành và làm thay đổi khí áp. – So sánh được hoạt động của một số loại gió chính trên Trái Đất; của gió địa phương. – Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa và trình bày được sự phân bố mưa trên thế giới. – Phân tích được bảng số liệu, hình vẽ, bản đồ về phân bố nhiệt độ, mưa trên thế giới. – Đọc được bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất; phân tích được biểu đồ một số kiểu khí hậu. – Giải thích được một số hiện tượng thời tiết và khí hậu trong thực tế (nhiệt độ Trái Đất tăng, sự thất thường của khí hậu gió mùa,...).
<p>Thủy quyển</p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm thủy quyển – Nước ngầm 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được khái niệm thủy quyển. – Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố nước ngầm.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Nước băng tuyết – Sông và hồ – Nước biển và đại dương – Chế độ nước của một con sông 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được một số đặc điểm chủ yếu của nước băng tuyết. – Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước của sông, phân biệt được các loại hồ theo nguồn gốc hình thành. – Giải thích được nguyên nhân khiến nguồn nước ngọt trên Trái Đất khan hiếm. – Phân tích được hiện trạng, hậu quả của ô nhiễm sông, hồ; nêu và đánh giá các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt. – Xác định được nguyên nhân sinh ra sóng biển, thủy triều; trình bày được một số tính chất của nước biển và đại dương, chuyển động của các dòng biển trong đại dương thế giới. – Vẽ được sơ đồ; phân tích được bản đồ và hình vẽ về thủy quyển. – Trình bày được chế độ nước một con sông cụ thể.
<p>Thổ nhưỡng quyển và sinh quyển</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thổ nhưỡng quyển – Sinh quyển – Sự phân bố của đất và sinh vật trên Trái Đất 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân biệt được lớp vỏ phong hoá và thổ nhưỡng quyển. – Phân tích được tác động của các nhân tố hình thành đất; liên hệ thực tế địa phương về sử dụng đất hợp lí. – Phân tích được đặc điểm và giới hạn của sinh quyển; các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật; liên hệ thực tế địa phương về bảo vệ đa dạng sinh học. – Xác định được sự phân bố của một số loại đất và thảm thực vật chính trên Trái Đất.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được sơ đồ, hình vẽ, bản đồ phân bố các nhóm đất và sinh vật trên thế giới. – Truyền đạt được thông tin về suy giảm đa dạng sinh học trên Trái Đất giới dưới góc độ địa lí.
<p>Một số quy luật của lớp vỏ địa lí</p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm lớp vỏ địa lí – Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí – Quy luật địa đới và phi địa đới 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân biệt được lớp vỏ địa lí và lớp vỏ Trái Đất. – Trình bày được khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí; liên hệ được thực tế về sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên. – So sánh được quy luật địa đới và một số quy luật phi địa đới (địa ô, đai cao). – Giải thích được một số hiện tượng phổ biến trong môi trường tự nhiên bằng các quy luật địa lí; liên hệ được thực tế để làm sáng rõ các quy luật.
<p>C. ĐỊA LÍ KINH TẾ – XÃ HỘI ĐẠI CƯƠNG</p> <p>Địa lí dân cư</p> <ul style="list-style-type: none"> – Dân số và sự phát triển dân số trên thế giới – Gia tăng dân số 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được dân số thế giới và tình hình phát triển dân số trên thế giới. – Phân biệt được gia tăng dân số tự nhiên (tỉ suất sinh, tử) và cơ học (xuất cư, nhập cư), trình bày được quan niệm về gia tăng dân số thực tế; phân tích được các nhân tố tác động đến gia tăng dân số.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Cơ cấu dân số – Phân bố dân cư, đô thị hoá 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân biệt được các loại cơ cấu dân số: cơ cấu sinh học, cơ cấu xã hội. – Phân tích tác động của các nhân tố tự nhiên, kinh tế – xã hội đến phân bố dân cư. – Trình bày được khái niệm; phân tích được đặc điểm, các nhân tố tác động đến đô thị hoá và ảnh hưởng của đô thị hoá đến sự phát triển kinh tế – xã hội và môi trường. – Giải thích được các hiện tượng về dân số trong thực tiễn phù hợp với trình độ của học sinh. – So sánh được các loại tháp dân số tiêu biểu. – Vẽ được biểu đồ về dân số (quy mô, động lực, cơ cấu). – Phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê về dân số; xử lý số liệu, tính toán đơn giản về dân số theo công thức đã cho. – Nhận xét, giải thích được về dân số và phân bố dân cư thông qua bản đồ, tài liệu, số liệu,...
<p>Các nguồn lực, cơ cấu kinh tế và một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế</p> <ul style="list-style-type: none"> – Các loại nguồn lực phát triển kinh tế – Cơ cấu nền kinh tế 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được khái niệm và phân loại được các nguồn lực, phân tích vai trò của mỗi loại nguồn lực đối với phát triển kinh tế. – Định nghĩa được cơ cấu kinh tế; phân biệt các loại cơ cấu nền kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>– Một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> – So sánh được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế: tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng thu nhập quốc gia (GNI); GDP và GNI bình quân đầu người. – Vận dụng được các khái niệm về nguồn lực, cơ cấu kinh tế và các tiêu chí đánh giá nền kinh tế trong quá trình học tập và trong thực tiễn. – Phân tích được sơ đồ nguồn lực và cơ cấu nền kinh tế. – Vẽ được biểu đồ cơ cấu nền kinh tế và nhận xét, giải thích.
<p>Địa lí các ngành kinh tế</p> <p>– Nông, lâm, ngư nghiệp</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được vai trò, đặc điểm của nông, lâm, ngư nghiệp. – Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông, lâm, ngư nghiệp. – Xác định được vai trò, đặc điểm của các ngành trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, ngư nghiệp; giải thích được sự phân bố của một số cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới. – Trình bày được quan niệm, vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp; phân biệt được vai trò, đặc điểm một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp. – Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải thích thực tế sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp. – Đọc được atlas, bản đồ; xử lí, phân tích được số liệu thống kê để nhận xét, giải thích các nội dung liên quan đến các ngành nông, lâm, ngư nghiệp.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được vai trò và đặc điểm của ngành giao thông vận tải, thông tin liên lạc, thương mại, du lịch. – Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của giao thông vận tải, thông tin liên lạc, thương mại, du lịch; trình bày được tình hình phát triển và phân bố các ngành giao thông vận tải, thông tin liên lạc, thương mại, du lịch trên thế giới. – Vẽ được biểu đồ, sơ đồ; đọc và phân tích được atlas, bản đồ, số liệu thống kê liên quan đến các ngành dịch vụ. – Liên hệ được các hoạt động dịch vụ tại địa phương. – Viết được báo cáo tìm hiểu về một ngành dịch vụ.
<p>Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh</p> <ul style="list-style-type: none"> – Môi trường và tài nguyên thiên nhiên – Phát triển bền vững – Tăng trưởng xanh 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân biệt được khái niệm, đặc điểm của môi trường và tài nguyên thiên nhiên. – Phân tích được vai trò của môi trường, tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển của xã hội loài người. – Phân tích được khái niệm và giải thích được nguyên nhân của phát triển bền vững. – Phân biệt và giải thích được sự khác nhau về môi trường và phát triển ở các nước phát triển, đang phát triển. – Trình bày được quan niệm và biểu hiện của tăng trưởng xanh. – Liên hệ được một số vấn đề về tăng trưởng xanh tại địa phương.

Chuyên đề 1: Biến đổi khí hậu

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Quan niệm, biểu hiện, nguyên nhân của biến đổi khí hậu	– Trình bày được quan niệm, các biểu hiện của biến đổi khí hậu. – Giải thích được nguyên nhân của biến đổi khí hậu. – Xác định được tầm quan trọng của việc ứng phó với biến đổi khí hậu.
– Các tác động của biến đổi khí hậu và hậu quả	– Phân tích được các tác động của biến đổi khí hậu và hậu quả trên phạm vi toàn cầu, liên hệ được với thực tế ở Việt Nam. – Giải thích được sự cấp bách của ứng phó với biến đổi khí hậu.
– Ứng phó với biến đổi khí hậu	– Hệ thống hoá được các nhóm giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu.

Chuyên đề 2: Đô thị hoá

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Đô thị hoá và thước đo đô thị hoá	– Trình bày được quan niệm về đô thị hoá theo nghĩa hẹp và nghĩa rộng. – Khẳng định được ý nghĩa của tỉ lệ dân thành thị.
– Đô thị hoá ở các nước phát triển: đặc điểm, xu hướng đô thị hoá ở các nước phát triển	– Phân tích được đặc điểm đô thị hoá ở các nước phát triển. – Phân biệt được các đô thị lớn và cực lớn. – Nhận xét và giải thích được xu hướng đô thị hoá của các nước phát triển.
– Đô thị hoá ở các nước đang phát triển: đặc điểm, xu hướng đô thị hoá ở các nước đang phát triển	– Phân tích được đặc điểm đô thị hoá ở các nước đang phát triển. – Nhận xét và giải thích được xu hướng đô thị hoá ở các nước đang phát triển.

	– So sánh được đặc điểm đô thị hoá giữa hai nhóm nước: phát triển, đang phát triển.
– Tác động của đô thị hoá đến dân số, kinh tế – xã hội và môi trường ở các nước đang phát triển	– Phân tích được tác động tích cực và tiêu cực của quá trình đô thị hoá đến dân số, kinh tế, xã hội và môi trường ở các nước đang phát triển.
– Tính tỉ lệ đô thị hoá, vẽ biểu đồ, tìm hiểu siêu đô thị trên thế giới, tìm hiểu quá trình đô thị hoá ở Việt Nam	– Tính được tỉ lệ đô thị hoá ở một số nước trên thế giới. – Vẽ được biểu đồ cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn của thế giới hoặc một số nước. – Xác định được một số siêu đô thị trên thế giới. – Nhận xét được quá trình đô thị hoá ở Việt Nam.

Chuyên đề 3: Một số vấn đề về du lịch thế giới

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Tài nguyên du lịch thế giới	– Phân biệt được các loại tài nguyên du lịch trên thế giới. – Khẳng định được sự đa dạng, phong phú của các loại tài nguyên du lịch trên thế giới; liên hệ được với tài nguyên du lịch Việt Nam.
– Một số loại hình du lịch phổ biến và xu hướng phát triển du lịch trên thế giới hiện nay	– So sánh được một số loại hình du lịch phổ biến trên thế giới hiện nay; liên hệ được với hoạt động du lịch ở Việt Nam. – Trình bày được một số xu hướng du lịch hiện nay trên thế giới, các thách thức đối với phát triển du lịch trên thế giới; liên hệ để hiểu được các định hướng phát triển du lịch Việt Nam hiện nay.

LỚP 11: ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI THẾ GIỚI

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>A. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KINH TẾ – XÃ HỘI THẾ GIỚI</p> <p>Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế – xã hội của các nhóm nước</p> <ul style="list-style-type: none"> – Sự phân chia thành các nhóm nước – Sự tương phản về kinh tế, xã hội của các nhóm nước 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân biệt được các nước trên thế giới theo cách xếp loại khác nhau: nước phát triển và nước đang phát triển; nước có thu nhập cao, nước có thu nhập trung bình cao, nước có thu nhập trung bình thấp, nước có thu nhập thấp. – Trình bày sự tương phản về phát triển kinh tế, xã hội của các nhóm nước: phát triển, đang phát triển. – Phân tích được bảng số liệu, sử dụng được bản đồ để xác định sự phân bố các nhóm nước. – Thu thập được tư liệu về kinh tế – xã hội của một số nước từ nhiều nguồn khác nhau (Internet, tài liệu thành văn, tư liệu, tranh ảnh, video clip,...).
<p>Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (4.0)</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nội dung chủ yếu – Tác động chủ yếu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến phát triển kinh tế – xã hội thế giới 	<ul style="list-style-type: none"> – So sánh được đặc điểm và nội dung của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với các cuộc cách mạng công nghiệp trước. – Phân tích được các tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến phát triển kinh tế – xã hội trên toàn thế giới. – Nêu được (kết hợp với liên hệ thực tế) các xu thế lớn của công nghệ trong cách mạng công nghiệp 4.0.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>Nền kinh tế tri thức</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đặc điểm và các biểu hiện 	<ul style="list-style-type: none"> – Viết được báo cáo tìm hiểu về đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức.
<p>B. ĐỊA LÍ KHU VỰC VÀ QUỐC GIA</p> <p>Hợp chúng quốc Hoa Kỳ</p> <ul style="list-style-type: none"> – Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên – Dân cư, xã hội – Kinh tế – Sự phân hoá lãnh thổ sản xuất của Hoa Kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế. – Phân tích được tác động của quy mô số dân và sự gia tăng, sự đa dạng về chủng tộc, nhập cư, sự phân bố dân cư tới kinh tế – xã hội. – Giải thích được đặc điểm của nền kinh tế đứng đầu thế giới; phân tích được một số ngành kinh tế chủ chốt, sự chuyển dịch cơ cấu ngành và sự phân hoá lãnh thổ của nền kinh tế Hoa Kỳ. – Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. – Vẽ được biểu đồ, nhận xét và giải thích. – Khai thác được thông tin từ Internet và các nguồn khác về địa lí Hoa Kỳ. – Xác định được sự phân bố sản xuất công nghiệp, nông nghiệp theo các vùng lãnh thổ.
<p>Khu vực Mỹ Latinh</p> <ul style="list-style-type: none"> – Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được vị trí địa lí và một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của khu vực Mỹ Latinh đến phát triển kinh tế.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Dân cư, xã hội – Kinh tế – Brasil (Bra-xin): Tình hình phát triển kinh tế và những vấn đề xã hội cần phải giải quyết 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được vấn đề đô thị hoá, một số vấn đề về dân cư, xã hội và phân tích ảnh hưởng đến phát triển kinh tế – xã hội. – Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực. – Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. – Vẽ được biểu đồ, rút ra nhận xét. – Khai thác được thông tin từ Internet và các nguồn khác về địa lí khu vực Mỹ Latinh. – Viết được báo cáo truyền đạt những nét cơ bản về tình hình phát triển kinh tế Brasil và những vấn đề xã hội cần phải giải quyết.
<p>Liên minh châu Âu (EU)</p> <ul style="list-style-type: none"> – Một liên kết kinh tế khu vực lớn – Vị thế của khu vực trong nền kinh tế thế giới – Cộng hoà Liên bang Đức: Công nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được quy mô, mục tiêu, thể chế hoạt động của EU. – Phân tích được vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới và một số biểu hiện của hợp tác và liên kết trong khu vực. – Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích số liệu, tư liệu. – Vẽ được biểu đồ, nhận xét. – Khai thác được thông tin từ Internet và các nguồn khác về địa lí khu vực EU, hệ thống hoá và trình bày theo chủ đề. – Viết được báo cáo tìm hiểu về sự phát triển công nghiệp của Cộng hoà Liên bang Đức.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>Liên bang Nga</p> <ul style="list-style-type: none"> – Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên – Dân cư, xã hội – Kinh tế – Công nghiệp khai thác dầu khí 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, điều kiện tự nhiên tới phát triển kinh tế – xã hội. – Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế. – Trình bày được tình hình phát triển các ngành kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ); so sánh được các vùng kinh tế theo các đặc điểm nổi bật. – Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu, tháp tuổi; vẽ được biểu đồ. – Suu tầm, hệ thống hoá được các thông tin, hình ảnh về địa lí Liên bang Nga từ Internet và các nguồn khác nhau. – Vẽ được biểu đồ, rút ra được các nhận xét về phát triển công nghiệp khai thác dầu khí.
<p>Nhật Bản</p> <ul style="list-style-type: none"> – Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên – Dân cư, xã hội – Kinh tế 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên tới sự phát triển kinh tế. – Phân tích được các tác động của dân cư tới phát triển kinh tế. – Giải thích được tình hình phát triển kinh tế; phân tích được sự phát triển, phân bố những ngành kinh tế chủ chốt (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ); so sánh được các vùng kinh tế theo các đặc điểm nổi bật.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Hoạt động kinh tế đối ngoại 	<ul style="list-style-type: none"> – Đọc được bản đồ, rút ra được nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. – Khai thác, chọn lọc được các tư liệu từ Internet và từ các nguồn khác (tài liệu thành văn, niên giám thống kê,...) về địa lí Nhật Bản. – Vẽ được biểu đồ, nhận xét. – Viết báo cáo truyền đạt được những nét nổi bật về hoạt động kinh tế đối ngoại.
<p>Cộng hoà nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc)</p> <ul style="list-style-type: none"> – Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên – Dân cư, xã hội – Kinh tế – Sự thay đổi của nền kinh tế 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đối với phát triển kinh tế. – Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế. – Trình bày được đặc điểm chung phát triển kinh tế, đặc điểm của một số ngành kinh tế chủ chốt (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ) và vị thế của nền kinh tế Trung Quốc trên thế giới; phân tích được nguyên nhân phát triển kinh tế. – Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. – Khai thác, chọn lọc được các tư liệu từ Internet và từ các nguồn khác về địa lí Trung Quốc. – Vẽ được biểu đồ, nhận xét. – Viết được báo cáo về những thay đổi trong GDP; giá trị xuất, nhập khẩu và sự phát triển vùng duyên hải.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>Khu vực Đông Nam Á</p> <ul style="list-style-type: none"> – Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên – Dân cư, xã hội – Kinh tế – Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) – Hoạt động kinh tế đối ngoại của Đông Nam Á (du lịch; xuất, nhập khẩu) 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên tới sự phát triển kinh tế. – Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế. – Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung, sự phát triển các ngành kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ) của Đông Nam Á và một số mô hình phát triển. – So sánh được với EU về mục tiêu của ASEAN; cơ chế hoạt động, một số hợp tác cụ thể trong kinh tế, văn hoá; phân tích các thành tựu và thách thức của ASEAN. – Chứng minh được sự hợp tác đa dạng và vai trò của Việt Nam trong ASEAN. – Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. – Khai thác, chọn lọc, hệ thống hoá được các tư liệu từ Internet và từ các nguồn khác về địa lí khu vực ASEAN. – Vẽ được biểu đồ, nhận xét biểu đồ, phân tích bảng số liệu và truyền đạt thông tin địa lí.
<p>Khu vực Tây Nam Á</p> <ul style="list-style-type: none"> – Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên – Dân cư, xã hội 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí; một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, xã hội của Tây Nam Á tới phát triển kinh tế – xã hội.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Kinh tế – Vấn đề dầu mỏ ở Tây Nam Á 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực. – Khai thác, chọn lọc, thu thập được các tư liệu từ Internet và nguồn khác về địa lí Tây Nam Á. – Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. – Viết được báo cáo trình bày một số thông tin nổi bật về tài nguyên dầu mỏ và việc khai thác ở Tây Nam Á.
<p>Australia</p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái quát về Australia – Bảo vệ thiên nhiên 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được tác động của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế. – Trình bày và giải thích được tình hình phát triển chung của nền kinh tế và sự phát triển của các ngành kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ). – Xác định được sự phân bố kinh tế trên bản đồ. – Khai thác, chọn lọc, thu thập được tư liệu từ Internet và từ nguồn khác về địa lí Australia. – Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. – Viết được báo cáo theo chủ đề về bảo vệ thiên nhiên.
<p>Một số vấn đề của Châu Phi</p> <ul style="list-style-type: none"> – Châu Phi 	<ul style="list-style-type: none"> – Viết được báo cáo một số vấn đề về tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế của châu Phi. – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên tới sự phát triển kinh tế.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Nam Phi	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được tác động của đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế. – Trình bày được khái quát sự phát triển nền kinh tế, các điểm nổi bật của các ngành kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ). – Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. – Khai thác, chọn lọc, thu thập được tư liệu từ Internet và từ các nguồn khác về địa lí Nam Phi.

Chuyên đề 1: Một số vấn đề về khu vực Đông Nam Á

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Ủy hội sông Mê Công.	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được lí do ra đời, mục tiêu, cách thức hoạt động của Ủy hội sông Mê Công. – Giới thiệu được một số hoạt động của Ủy hội sông Mê Công. – Xác định được vai trò của Việt Nam trong Ủy hội sông Mê Công.
– Hợp tác hoà bình trong khai thác Biển Đông	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được các giá trị của Biển Đông. – Trình bày được một số điều cơ bản liên quan đến tính pháp lí trong Công ước quốc tế 1982 về Biển. – Nêu và đánh giá được các biểu hiện của sự hợp tác trong khu vực về khai thác Biển Đông.

Chuyên đề 2: Phương pháp viết báo cáo địa lí

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Quan niệm về báo cáo địa lí	– Nêu quan niệm về báo cáo khoa học, phân biệt được báo cáo khoa học và báo cáo thông thường. – Trình bày được cấu trúc và các đặc điểm về văn phong, lập luận, trích dẫn, tài liệu tham khảo,... của một báo cáo địa lí.
– Quy trình viết một báo cáo địa lí	– Xác định được các bước cần thực hiện để viết một báo cáo địa lí.
– Chọn đề tài báo cáo địa lí	– Xác định được kỹ thuật tìm ý tưởng và chọn đề tài báo cáo địa lí. – Hình thành được kỹ năng viết tên đề tài của báo cáo.
– Xây dựng đề cương	– Phân tích được cấu trúc của một đề cương báo cáo khoa học địa lí và nội dung chính của các đề mục. – Hình thành được kỹ năng viết các nội dung đề mục (lí do chọn đề tài, mục tiêu, nhiệm vụ,...).
– Thu thập, chọn lọc, xử lí và hệ thống hoá tư liệu	– Xác định được kỹ thuật thu thập, chọn lọc, xử lí thông tin, hệ thống hoá thông tin. – Hình thành được kỹ năng thu thập, chọn lọc, xử lí thông tin, hệ thống hoá thông tin.
– Trình bày báo cáo địa lí	– Trình bày được kỹ thuật viết một báo cáo địa lí. – Hình thành được kỹ năng viết một báo cáo địa lí. – Hình thành được kỹ năng trình bày báo cáo trong hội thảo.

LỚP 12: ĐỊA LÝ VIỆT NAM

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>A. ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN VIỆT NAM</p> <p>Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ</p> <ul style="list-style-type: none"> – Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ – Ý nghĩa của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đối với tự nhiên, kinh tế – xã hội và quốc phòng 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của nước ta. – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế – xã hội và an ninh quốc phòng.
<p>Các khu vực địa hình và ảnh hưởng đến phát triển kinh tế – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> – Các khu vực địa hình – Ảnh hưởng của các khu vực địa hình đến phát triển kinh tế – xã hội 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được sự phân hoá của địa hình tại các khu vực địa hình khác nhau. – Phân tích được ảnh hưởng của các khu vực địa hình đến phát triển kinh tế – xã hội. – Sử dụng được Atlas Địa lí Việt Nam, bản đồ tự nhiên Việt Nam, lát cắt để trình bày về đặc điểm các khu vực địa hình. – Liên hệ được thực tế về ảnh hưởng của các khu vực địa hình đến phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương.
<p>Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa thông qua khí hậu và các thành phần tự nhiên khác.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống. – Sử dụng được Atlas Địa lí Việt Nam, bản đồ tự nhiên Việt Nam, số liệu thống kê để trình bày đặc điểm thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.
<p>Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên</p> <ul style="list-style-type: none"> – Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên – Các miền địa lí tự nhiên – Ảnh hưởng của sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội 	<ul style="list-style-type: none"> – Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên Việt Nam theo Bắc – Nam, Đông – Tây, độ cao. – So sánh được đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của ba miền địa lí tự nhiên: miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ. – Phân tích được ảnh hưởng của sự phân hoá thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội của đất nước. – Sử dụng được Atlas Địa lí Việt Nam, bản đồ tự nhiên Việt Nam, số liệu thống kê để chứng minh sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên nước ta. – Thu thập tài liệu, trình bày được báo cáo về sự phân hoá của tự nhiên Việt Nam.
<p>Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biến đổi khí hậu và ứng phó 	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được những biểu hiện của biến đổi khí hậu ở nước ta qua các thành phần tự nhiên và thiên tai.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên – Bảo vệ môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được các các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở nước ta. – Viết được đoạn văn ngắn tuyên truyền mọi người trong cộng đồng về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và giải pháp ứng phó. – Chứng minh và giải thích được hiện trạng suy giảm các loại tài nguyên thiên ở nước ta. – Nêu một số giải pháp sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên ở nước ta. – Viết được đoạn văn ngắn kêu gọi mọi người trong cộng đồng tham gia tích cực vào việc sử dụng hợp lí tài nguyên. – Chứng minh và giải thích được hiện trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam. – Nêu được các giải pháp bảo vệ môi trường, phát triển bền vững ở nước ta. – Viết được báo cáo cập nhật về vấn đề môi trường ở Việt Nam và địa phương.
<p>B. ĐỊA LÍ DÂN CƯ VIỆT NAM</p> <p>Dân số</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đặc điểm – Thế mạnh và thách thức về dân số 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được đặc điểm dân số nước ta. – Vẽ được biểu đồ về dân số. – Sử dụng được Atlas Địa lí Việt Nam, bản đồ dân cư Việt Nam, số liệu thống kê để nhận xét, giải thích về đặc điểm dân số Việt Nam.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Chiến lược phát triển dân số 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được một số vấn đề thực tế liên quan đến dân số nước ta phù hợp với trình độ của học sinh. – Nêu được chiến lược và giải pháp phát triển dân số, liên hệ một số vấn đề dân số ở địa phương. – Viết được đoạn văn ngắn tuyên truyền mọi người trong cộng đồng về thực hiện chính sách dân số của Nhà nước.
<p>Lao động và việc làm</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đặc điểm nguồn lao động – Sử dụng lao động – Lao động và việc làm, hướng giải quyết việc làm 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được đặc điểm nguồn lao động, mối quan hệ giữa dân số và lao động; sử dụng lao động theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo thành thị và nông thôn ở nước ta. – Phân tích được vấn đề lao động, việc làm, mối quan hệ giữa lao động và việc làm ở nước ta. – Nêu được các hướng giải quyết việc làm ở nước ta. – Liên hệ được thực tế địa phương về vấn đề lao động, việc làm. – Phân tích được các biểu đồ, bảng số liệu về lao động và việc làm.
<p>Đô thị hoá</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đặc điểm đô thị hoá – Phân bố mạng lưới đô thị – Ảnh hưởng của đô thị hoá đến phát triển kinh tế – xã hội 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được đặc điểm đô thị hoá ở Việt Nam và sự phân bố mạng lưới đô thị; phân tích được ảnh hưởng đến phát triển kinh tế – xã hội. – Sử dụng được Atlas Địa lí Việt Nam, bản đồ dân cư Việt Nam, số liệu thống kê để nhận xét và giải thích về đô thị hoá ở nước ta. – Viết được báo cáo giới thiệu về một trong số các chủ đề (dân số, lao động và việc làm, đô thị hoá) ở Việt Nam.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>C. ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ VIỆT NAM</p> <p>Chuyển dịch cơ cấu kinh tế</p> <ul style="list-style-type: none"> – Ý nghĩa – Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá – Chuyển dịch cơ cấu theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được ý nghĩa của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta. – Chứng minh và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nước ta theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. – Chứng minh và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ ở nước ta. – Nêu và đánh giá được vai trò của mỗi thành phần kinh tế trong nền kinh tế đất nước hiện nay. – Vẽ được biểu đồ, phân tích biểu đồ và số liệu thống kê liên quan đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
<p>Vấn đề phát triển nông – lâm – thuỷ sản</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nông nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> – Khái quát hoá được vai trò của nông – lâm – thuỷ sản trong quá trình công nghiệp hoá đất nước. – Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới ở nước ta. – Xác định được các biểu hiện của nền nông nghiệp nhiệt đới ở nước ta và hướng phát triển. – Trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và sự phát triển, phân bố nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi) thông qua Atlas Địa lí Việt Nam, bảng số liệu, tư liệu,...

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Lâm nghiệp – Ngành Thủy sản – Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển lâm nghiệp, vấn đề bảo vệ tài nguyên rừng. – Trình bày được tình hình phát triển và phân bố lâm nghiệp thông qua Atlas Địa lí Việt Nam, bảng số liệu, tư liệu... – Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển ngành thủy sản; trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu, tình hình phát triển và phân bố ngành thủy sản thông qua Atlas Địa lí Việt Nam, bảng số liệu, tư liệu,... – Phân tích được một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp tiêu biểu ở Việt Nam: trang trại, vùng chuyên canh, vùng nông nghiệp. – Vẽ được biểu đồ, nhận xét, giải thích về tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành của các ngành nông – lâm – thủy sản. – Thu thập được tài liệu, viết báo cáo và trình bày về một số nội dung từ các ngành nông – lâm – thủy sản.
<p>Vấn đề phát triển công nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> – Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp – Một số ngành công nghiệp trọng điểm 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo các thành phần kinh tế, theo lãnh thổ. – Trình bày được đặc điểm phát triển và phân bố của một số ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta: năng lượng; cơ khí, điện tử; chế biến lương thực – thực phẩm; sản xuất hàng tiêu dùng thông qua Atlas Địa lí Việt Nam, bảng số liệu, tư liệu,...

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Tổ chức lãnh thổ công nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở Việt Nam: khu công nghiệp, trung tâm công nghiệp. – Phát hiện và giải thích được một số hiện tượng đang diễn ra trong thực tiễn liên quan đến công nghiệp (ví dụ: sự phát triển các khu công nghiệp, mặt tích cực và hạn chế của chúng,...). – Vẽ được biểu đồ từ số liệu cho trước và nhận xét, giải thích liên quan tới tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp.
<p>Vấn đề phát triển một số ngành dịch vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giao thông vận tải – Thông tin liên lạc – Thương mại – Du lịch 	<ul style="list-style-type: none"> – Khái quát hoá được vai trò; phân tích được các nhân tố ảnh hưởng; trình bày được sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải, thông tin liên lạc, thương mại, du lịch ở Việt Nam. – Phân tích sự phân hoá lãnh thổ du lịch (các trung tâm, vùng du lịch); vấn đề du lịch và sự phát triển bền vững. – Liên hệ với thực tế địa phương, giới thiệu được những danh thắng, di tích văn hoá – lịch sử phục vụ cho du lịch. – Viết được đoạn văn ngắn tuyên truyền, quảng bá cho việc phát triển các ngành dịch vụ, đặc biệt là du lịch. – Vẽ được biểu đồ từ số liệu đã cho và nhận xét, giải thích liên quan đến các ngành dịch vụ (giao thông vận tải, thông tin liên lạc, thương mại và du lịch). – Nhận xét được một số vấn đề liên quan đến các ngành dịch vụ (giao thông vận tải, thông tin liên lạc, thương mại và du lịch) thông qua số liệu thống kê, Atlas Địa lí Việt Nam, bản đồ giáo khoa treo tường và các nguồn tài liệu khác.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>D. ĐỊA LÍ KINH TẾ CÁC VÙNG VIỆT NAM</p> <p>Khai thác các thế mạnh để phát triển kinh tế ở Trung du và miền núi Bắc Bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái quát về vùng – Khai thác các thế mạnh phát triển kinh tế 	<ul style="list-style-type: none"> – Giới thiệu được vị trí địa lí, diện tích, dân số và các tỉnh (thành phố) của vùng dựa trên bản đồ hoặc Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã có. – Chứng minh được các thế mạnh để phát triển kinh tế của vùng, bao gồm các thế mạnh về khoáng sản và thủy điện, về cây trồng có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới (cây công nghiệp, rau quả) về chăn nuôi gia súc lớn và về kinh tế biển. – Trình bày được việc khai thác các thế mạnh phát triển kinh tế của vùng và nêu được hướng phát triển. – Sử dụng được Atlas Địa lí Việt Nam, bản đồ giáo khoa treo tường và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và việc khai thác các thế mạnh phát triển kinh tế của vùng.
<p>Phát triển kinh tế bền vững ở Đồng bằng sông Hồng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái quát về vùng – Các thế mạnh để phát triển kinh tế – Các thách thức đối với việc phát triển kinh tế bền vững – Các giải pháp phát triển bền vững 	<ul style="list-style-type: none"> – Giới thiệu được vị trí địa lí, diện tích, dân số và các tỉnh (thành phố) của vùng dựa trên bản đồ hoặc Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã có. – Chứng minh được các thế mạnh cũng như thách thức đối với việc phát triển kinh tế bền vững của Đồng bằng sông Hồng và giải pháp khắc phục. – Giải thích được tại sao phải phát triển bền vững ở Đồng bằng sông Hồng và đề xuất được các giải pháp phát triển bền vững.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng được Atlas Địa lí Việt Nam, bản đồ giáo khoa treo tường và bảng số liệu để trình bày về các thế mạnh của vùng.
<p>Phát triển cơ cấu nông – lâm – thủy sản ở Bắc Trung Bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái quát về vùng – Thế mạnh, hạn chế để hình thành và phát triển cơ cấu nông – lâm – thủy sản của vùng 	<ul style="list-style-type: none"> – Giới thiệu được vị trí địa lí, diện tích, dân số và các tỉnh (thành phố) của vùng dựa trên bản đồ hoặc Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã có. – Chứng minh được các thế mạnh và hạn chế đối với việc hình thành và phát triển cơ cấu nông – lâm – thủy sản của vùng. – Trình bày được một số nét nổi bật về cơ cấu nông – lâm – thủy sản của vùng. – Sử dụng được Atlas Địa lí Việt Nam, bản đồ giáo khoa treo tường và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và hạn chế của vùng.
<p>Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái quát về vùng – Thế mạnh, hạn chế và việc phát triển các ngành kinh tế biển 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được khái quát về vị trí địa lí, diện tích, dân số và các tỉnh (thành phố) của vùng dựa trên bản đồ hoặc Atlas Địa lí Việt Nam. – Chứng minh được các thế mạnh và hạn chế để phát triển các ngành kinh tế biển: khai thác tài nguyên sinh vật biển, giao thông vận tải biển, du lịch biển, khai thác khoáng sản biển. – Trình bày được việc phát triển các ngành kinh tế biển và nêu được hướng phát triển kinh tế biển của vùng. – Sử dụng được Atlas Địa lí Việt Nam, bản đồ giáo khoa treo tường và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh phát triển các ngành kinh tế biển của vùng.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>Khai thác các thế mạnh để phát triển kinh tế ở Tây Nguyên</p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái quát về vùng – Thế mạnh, hạn chế và việc phát triển các ngành kinh tế 	<ul style="list-style-type: none"> – Giới thiệu được vị trí địa lí, diện tích, dân số và các tỉnh (thành phố) của vùng dựa trên bản đồ hoặc Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã có. – Chứng minh được các thế mạnh và hạn chế để phát triển kinh tế ở Tây Nguyên về cây công nghiệp lâu năm, thủy điện, lâm nghiệp, khoáng sản (bôxít). – Trình bày sự phát triển và phân bố của cây công nghiệp lâu năm, phát triển thủy điện, hoạt động lâm nghiệp và bảo vệ rừng, khai thác bôxít. – Sử dụng được Atlas Địa lí Việt Nam, bản đồ giáo khoa treo tường và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và việc khai thác các thế mạnh của vùng.
<p>Phát triển kinh tế theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái quát về vùng – Các thế mạnh và hạn chế để phát triển kinh tế 	<ul style="list-style-type: none"> – Giới thiệu được vị trí địa lí, diện tích, dân số và các tỉnh (thành phố) của vùng dựa trên bản đồ hoặc Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã có. – Giải thích được tại sao phát triển kinh tế theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ. – Chứng minh được việc phát triển kinh tế theo chiều sâu của vùng qua cơ cấu kinh tế, các ngành kinh tế: công nghiệp, dịch vụ, nông – lâm – thủy sản.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Phát triển kinh tế theo chiều sâu 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được vai trò của Đông Nam Bộ trong nền kinh tế cả nước. – Sử dụng được Atlas Địa lí Việt Nam, bản đồ giáo khoa treo tường, số liệu thống kê để trình bày về các thế mạnh và khai thác lãnh thổ theo chiều sâu của vùng.
<p>Sử dụng hợp lí tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long</p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái quát về vùng – Sử dụng hợp lí tự nhiên – Phát triển sản xuất lương thực và thực phẩm – Du lịch 	<ul style="list-style-type: none"> – Giới thiệu được vị trí địa lí, diện tích, dân số và các tỉnh (thành phố) của vùng dựa trên bản đồ hoặc Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã có. – Giải thích được tại sao phải sử dụng hợp lí tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long. – Chứng minh được các thế mạnh, hạn chế để phát triển kinh tế của vùng; trình bày được hướng sử dụng hợp lí tự nhiên của vùng. – Trình bày được vai trò, tình hình phát triển sản xuất lương thực (lúa gạo) và thực phẩm (thủy sản) của vùng. – Trình bày được tài nguyên du lịch và tình hình phát triển du lịch của vùng. – Thu thập được tài liệu và viết báo cáo về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long, các giải pháp ứng phó. – Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, bản đồ giáo khoa treo tường và

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	<p>hệ thống số liệu, tư liệu, trình bày được các thế mạnh, tình hình phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm, du lịch của vùng.</p> <p>– Vẽ được biểu đồ từ số liệu đã cho, nhận xét và giải thích.</p>
<p>Phát triển các vùng kinh tế trọng điểm</p> <p>– Đặc điểm vùng kinh tế trọng điểm</p> <p>– Quá trình hình thành và phát triển, nguồn lực, thực trạng, định hướng phát triển của các vùng kinh tế trọng điểm</p>	<p>– Phân tích được đặc điểm chung của các vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta.</p> <p>– So sánh được quá trình hình thành và phát triển, các nguồn lực, thực trạng và định hướng phát triển của các vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, miền Trung, phía Nam, vùng Đồng bằng sông Cửu Long.</p> <p>– Vẽ được biểu đồ từ số liệu đã cho và nhận xét, giải thích liên quan đến các vấn đề của các vùng kinh tế trọng điểm.</p> <p>– Dựa vào số liệu, Atlas Địa lí Việt Nam, bản đồ giáo khoa treo tường và các nguồn tài liệu khác, nhận xét và giải thích được các vấn đề liên quan đến các vùng kinh tế trọng điểm.</p>
<p>Phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo</p> <p>– Khái quát về Biển Đông và các đảo, quần đảo</p> <p>– Tài nguyên thiên nhiên</p> <p>– Khai thác tổng hợp tài nguyên biển – đảo</p>	<p>– Trình bày được khái quát về Biển Đông, vùng biển và các đảo, quần đảo của Việt Nam.</p> <p>– Chứng minh được tài nguyên thiên nhiên ở Biển Đông và các đảo, quần đảo phong phú và đa dạng.</p> <p>– Trình bày tình hình khai thác tổng hợp tài nguyên biển – đảo (khai thác sinh vật, khai thác khoáng sản, giao thông vận tải và du lịch biển); giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường biển.</p>

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Ý nghĩa chiến lược của Biển Đông trong việc phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh cho đất nước; hướng chung trong giải quyết các tranh chấp vùng biển – đảo 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được ý nghĩa chiến lược của Biển Đông trong việc phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh cho đất nước. – Sử dụng được Atlas Địa lí Việt Nam, bản đồ giáo khoa treo tường, số liệu thống kê để trình bày về các tài nguyên thiên nhiên và việc khai thác tổng hợp tài nguyên biển – đảo. – Thu thập được tài liệu, tranh ảnh, video... để viết và trình bày báo cáo/ tuyên truyền về vấn đề bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam.
<p>E. THỰC HÀNH TÌM HIỂU ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG <i>Thực hành tìm hiểu Địa lí địa phương (cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương) theo các chủ đề sau đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và sự phân chia hành chính – Tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên – Dân cư và lao động – Kinh tế 	<ul style="list-style-type: none"> – Giới thiệu được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và sự phân chia hành chính của tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương) dựa trên bản đồ của địa phương, Việt Nam hoặc Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã có. – Dựa vào bản đồ, lược đồ, biểu đồ, số liệu thống kê,... đã cho, phân tích được một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư – xã hội, kinh tế của địa phương. – Thu thập được tài liệu, tranh ảnh, số liệu,... để giới thiệu về địa lí địa phương. – Viết báo cáo giới thiệu địa lí địa phương theo một số chủ đề.

Chuyên đề 1: Thiên tai và biện pháp phòng chống

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Quan niệm	– Trình bày được quan niệm về thiên tai, nguyên nhân và hậu quả.
– Các loại thiên tai và nơi thường xảy ra, nguyên nhân và hậu quả, biện pháp phòng chống	– Nêu được các loại thiên tai và nơi thường xảy ra (bão, lũ lụt, hạn hán, các thiên tai khác); phân tích được nguyên nhân, hậu quả và xác định các biện pháp phòng chống. – Liên hệ, tìm hiểu được về một loại thiên tai cụ thể tại địa phương (hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả, giải pháp). – Thu thập được tranh ảnh, số liệu, video clip,... để trưng bày một số chủ đề về thiên tai ở nước ta. – Viết được đoạn văn ngắn tuyên truyền mọi người trong cộng đồng về thiên tai và các biện pháp phòng chống.

Chuyên đề 2: Phát triển vùng

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Quan niệm về vùng	– Trình bày được quan niệm về vùng và phân biệt được các loại vùng trong nền kinh tế đất nước.
– Các loại vùng kinh tế	– Phân biệt được các loại vùng kinh tế (theo các tiêu chí cụ thể): vùng kinh tế, vùng kinh tế trọng điểm, vùng ngành,... – Trình bày (tóm tắt) được các loại vùng kinh tế ở Việt Nam.
– Đặc điểm của các loại vùng kinh tế	– Trình bày đặc điểm và giải thích được sự hình thành của một số loại vùng kinh tế.

Chuyên đề 3: Làm việc với Atlas Địa lí Việt Nam, số liệu thống kê kinh tế, biểu đồ

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Làm việc với Atlas Địa lí Việt Nam: đọc, khai thác	– Đọc được nội dung của từng trang Atlas Địa lí Việt Nam và đối chiếu, so sánh giữa các trang. – Tìm tòi, phát hiện và trình bày được các kiến thức từ Atlas Địa lí Việt Nam tùy theo yêu cầu của câu hỏi.
– Làm việc với số liệu thống kê kinh tế: nhận xét, tính toán, phân tích	– Phân biệt được các loại số liệu và bảng số liệu thống kê kinh tế về nội dung, tiêu chí, thời gian, đơn vị,... – Thực hiện được các kĩ thuật làm việc với bảng số liệu thống kê kinh tế: nhận xét (tìm mối liên hệ giữa các số liệu để nhận xét), tính toán đơn giản, phân tích,...
– Làm việc với biểu đồ (chủ yếu về kinh tế): vẽ, nhận xét, giải thích	– Vẽ được các loại biểu đồ thông dụng trong chương trình Địa lí trung học phổ thông nói chung và lớp 12 nói riêng: cột, tròn, đường, miền, kết hợp. – Nhận xét được theo yêu cầu câu hỏi từ biểu đồ đã vẽ (hoặc biểu đồ cho trước) và giải thích.

VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Đề cao vai trò chủ thể của học sinh

Giáo viên là người tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, khuyến khích, tạo môi trường học tập cho học sinh. Học sinh là người hoạt động học tập chủ động, tích cực, sáng tạo. Dưới sự tổ chức của giáo viên, học sinh được trải nghiệm, hoạt động đa dạng và đúng hướng theo các hình thức và phương pháp học tập khoa học, hợp lí; nhận thức và gắn bài học địa lí với thực tiễn địa phương, đất nước, thế giới; vận dụng kiến thức vào việc giải quyết các vấn đề về môi trường, kinh tế – xã hội tại địa phương; từ đó được phát triển nhận thức, kĩ năng địa lí, hình thành thái độ tích cực, phát triển các năng lực chuyên môn, góp phần vào hình thành các năng lực cốt lõi.

2. Đa dạng hoá phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Mỗi nội dung dạy học có thể được tiếp cận thích hợp bởi một hoặc nhiều phương pháp dạy học khác nhau. Nội dung môn Địa lí có tính tổng hợp cao, thích hợp cho sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau, nên trong dạy học Địa lí cần sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học.

Dạy học theo định hướng năng lực đề cao các hoạt động học tập của học sinh, nên cần tăng cường tối đa các phương pháp dạy học đề cao chủ thể học sinh như: thảo luận, tranh luận, đóng vai, dự án, viết báo cáo,... Tùy vào nội dung, điều kiện học tập cụ thể và đối tượng học sinh để sử dụng thích hợp và sáng tạo kỹ thuật trong các phương pháp dạy học này, lôi cuốn tối đa việc tham gia chủ động, tích cực của học sinh vào quá trình dạy học.

Các phương pháp dạy học truyền thống như thuyết trình, hỏi đáp,... cần được sử dụng theo hướng phát huy tính tích cực và hứng thú học tập của học sinh, ví dụ như: giảng giải nêu vấn đề, hỏi đáp nêu vấn đề, truyền đạt kết hợp với bản đồ, hình ảnh trực quan, video clip,... Tuy nhiên, cần giảm đến mức tối đa các phương pháp dạy học nặng về thuyết trình một chiều, ít (hoặc không có) sự tham gia hoạt động của học sinh.

Các hình thức dạy học trong môn Địa lí rất đa dạng, như: dạy học cá nhân, dạy học theo nhóm, dạy học theo lớp; dạy học trên lớp, dạy học ngoài trời, dạy học trong thực tế, thực địa; tham quan, khảo sát địa phương, seminar; sưu tầm, hệ thống hoá, trưng bày, giới thiệu, triển lãm; thực hành, trò chơi, thí nghiệm địa lí, tự học,... Mỗi hình thức thích hợp với một hoặc một số phương pháp dạy học, đồng thời có thể mạnh và hạn chế riêng nên cần được kết hợp với nhau trong quá trình dạy học. Tuy nhiên, phù hợp với dạy học phát triển năng lực cần tăng cường tối đa các hình thức tổ chức dạy học đề cao hoạt động chủ động, tích cực, sáng tạo của học sinh. Trong nhiều trường hợp, giáo viên cần gợi ý, hướng dẫn học sinh tìm các ý tưởng tổ chức học tập, yêu cầu các em phát triển thành các hoạt động nhận thức cụ thể và thực hiện, từ đó phát triển các phẩm chất và năng lực.

3. Sử dụng có hiệu quả phương tiện dạy học và công nghệ thông tin

Nguyên tắc dạy học quan trọng của địa lí là luôn sử dụng phương tiện dạy học với các yêu cầu cơ bản: đảm bảo phù hợp với mục tiêu và nội dung dạy học, đúng lúc, phối hợp nhiều loại khác nhau, đủ cường độ và phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh.

Phương tiện dạy học địa lí có nhiều loại khác nhau, phổ biến trong dạy học môn Địa lí trung học phổ thông là bản đồ giáo khoa, Atlas Địa lí Việt Nam, tập bản đồ địa lí tự nhiên đại cương, địa lí thế giới; tranh ảnh, mô hình (quả địa cầu, mô hình vận động quay của Trái Đất); các dụng cụ quan trắc thời tiết, dụng cụ đo vẽ địa hình; băng đĩa, video clip; tài liệu, tư liệu (niên giám thống kê, số liệu kinh tế – xã hội các nước và lãnh thổ trên thế giới, tư liệu kinh tế – xã hội Việt Nam và các nước trên thế giới); thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông (Internet với đường truyền tốc độ cao, máy tính, máy chiếu, màn hình,... kết nối); phòng địa lí.

Phương tiện dạy học địa lí có hai chức năng cơ bản là trực quan và nguồn tri thức, trong đó chức năng nguồn tri thức đóng vai trò quan trọng đối với hoạt động nhận thức của học sinh. Bản thân phương tiện dạy học địa lí chứa đựng các kiến thức địa lí, ví dụ bản đồ chứa đựng các nội dung về phương hướng, khoảng cách, vị trí địa lí, đặc điểm, mối quan hệ lẫn nhau và nhân quả giữa các đối tượng địa lí,... Để sử dụng có hiệu quả các phương tiện dạy học địa lí, trong quá trình dạy học giáo viên cần tổ chức, hướng dẫn, tạo điều kiện để học sinh biết tìm tòi, khám phá, khai thác và chiếm lĩnh kiến thức từ các phương tiện dạy học địa lí; qua đó, học sinh vừa có được kiến thức, vừa được rèn luyện các kĩ năng địa lí và biết cách thức vận dụng kiến thức địa lí vào thực tiễn.

Công nghệ thông tin ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong dạy học nói chung và dạy học địa lí nói riêng. Giáo viên cần khuyến khích và tạo điều kiện, môi trường học tập thuận lợi cho học sinh khai thác thông tin từ Internet để phục vụ học tập; rèn luyện cho học sinh kĩ năng xử lí, trình bày thông tin địa lí bằng công nghệ thông tin và truyền thông; khuyến khích học sinh lập các trang Website học tập, trình bày báo cáo địa lí bằng các phần mềm thông dụng và thích hợp, xây dựng các video clip giới thiệu sự vật, hiện tượng địa lí,...

VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Định hướng chung

Đánh giá kết quả học tập của học sinh trong môn Địa lí là hoạt động xem xét, so sánh mức độ đạt được của mỗi học sinh theo yêu cầu cần đạt của môn học đã đề ra, tìm ra những nguyên nhân và tiềm năng học tập của các em. Đánh giá là một bộ phận hợp thành quan trọng của quá trình dạy học địa lí, vừa thu thập các thông tin về chất lượng học tập, phân loại học sinh;

vừa nhằm điều chỉnh việc dạy học, thúc đẩy quá trình học tập của học sinh. Trong đó, mục đích bao trùm của đánh giá là nhằm vào sự tiến bộ trong học tập địa lí, sự phát triển của học sinh.

2. Nguyên tắc đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của học sinh trong môn Địa lí cần phải đảm bảo tính toàn diện, khách quan, chính xác, phân hoá; kết hợp đánh giá trong suốt cả quá trình học tập (đánh giá quá trình) và đánh giá vào cuối kỳ, cuối năm học (đánh giá tổng kết); kết hợp đánh giá của giáo viên đối với học sinh và việc học sinh đánh giá lẫn nhau và tự đánh giá; đánh giá định lượng và định tính; đánh giá lí thuyết và thực hành; đánh giá trong hoạt động trên lớp và ngoài lớp, ngoài thực địa,...

3. Cách thức đánh giá theo định hướng năng lực

Đánh giá theo định hướng năng lực trong môn Địa lí tập trung chủ yếu vào hai phương diện: i) việc thông hiểu các kiến thức cơ bản, thiết thực của học sinh và mức độ thành thạo của kĩ năng địa lí trong quá trình học tập; ii) đặc biệt cần tập trung đánh giá việc vận dụng tổng hợp kiến thức, kĩ năng, thái độ để giải quyết các vấn đề trong tình huống của học tập và thực tiễn. Để thực hiện đánh giá kết quả học tập địa lí theo định hướng năng lực cần xác định rõ các biểu hiện cụ thể của phẩm chất và năng lực, ví dụ một trong những biểu hiện của năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian là phân tích sự phân bố. Đến lượt mình, phân tích sự phân bố có các biểu hiện ở Địa lí lớp 12 là phân biệt và so sánh được các hình mẫu không gian trong phân bố các đối tượng, hiện tượng địa lí ở nước ta, giải thích được một số hiện tượng di dân, các luồng vận chuyển hàng hoá ở nước ta. Các biểu hiện cụ thể đó được xác định bằng điểm số cụ thể (hoặc bằng mức độ đánh giá định tính) và được đánh giá qua hoạt động cụ thể của học sinh.

4. Hình thức và phương pháp đánh giá

Đa dạng hoá việc đánh giá, sử dụng nhiều hình thức và công cụ đánh giá khác nhau trong môn Địa lí, như hình thức tự luận và trắc nghiệm khách quan, kiểm tra miệng và kiểm tra viết, bài lí thuyết và bài thực hành,...; các phương pháp quan sát, đánh giá sản phẩm học tập của học sinh (bài làm, bài tập, bài thực hành, bài báo cáo, sản phẩm của hoạt động dự án, của hoạt động nghiên cứu khoa học kĩ thuật,...).

VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Thời lượng thực hiện chương trình

Thời lượng phân phối cho mỗi lớp học là 70 tiết, dạy trong 35 tuần. Thời lượng dành cho mỗi mạch nội dung được phân phối như sau:

1.1. Một số vấn đề chung: dưới 5% thời lượng chương trình lớp 10.

1.2. Địa lí đại cương

a) Địa lí tự nhiên đại cương: từ 35% đến dưới 40% thời lượng chương trình lớp 10.

b) Địa lí kinh tế – xã hội đại cương: từ 40% đến dưới 45% thời lượng chương trình lớp 10.

1.3. Địa lí thế giới

a) Một số vấn đề kinh tế – xã hội thế giới: khoảng 9% thời lượng chương trình lớp 11.

b) Địa lí các khu vực và quốc gia: từ 75% đến dưới 80% thời lượng chương trình lớp 11.

1.4. Địa lí Việt Nam

a) Địa lí tự nhiên: từ 15% đến dưới 20% thời lượng chương trình lớp 12.

b) Địa lí dân cư: khoảng 5% thời lượng chương trình lớp 12.

c) Địa lí các ngành kinh tế: từ 20% đến dưới 25% thời lượng chương trình lớp 12.

d) Địa lí các vùng kinh tế: từ 30% đến dưới 35% thời lượng chương trình lớp 12.

e) Thực hành tìm hiểu địa lí địa phương: từ 5% đến dưới 10% thời lượng chương trình lớp 12.

1.5. Ôn tập, kiểm tra: khoảng 15% thời lượng chương trình mỗi lớp.

2. Thực hiện chương trình phù hợp với điều kiện thực tế và đối tượng học sinh

Các nội dung và yêu cầu cần đạt của chương trình môn Địa lí dành cho tất cả các đối tượng học sinh ở tất cả các địa phương trong cả nước. Tuy nhiên, để đảm bảo dạy học phân hoá và phù hợp với đối tượng học sinh, các nhà trường và giáo viên cần chủ động và linh hoạt trong việc thực hiện chương trình với một số đối tượng khác nhau.

– Đối với học sinh đại trà: giáo viên cần đảm bảo cho các em đạt được yêu cầu đề ra ở mức tối thiểu; từng bước nâng cao hơn yêu cầu cần đạt đối với học sinh để các em nỗ lực học tập và đảm bảo được việc tiến bộ không ngừng.

– Đối với học sinh giỏi: giáo viên cần tập trung vào việc phát triển ở các em tư duy lôgic, tư duy theo lãnh thổ; tư duy liên hệ, tổng hợp; đặt ra yêu cầu cao hơn và hướng dẫn học sinh vận dụng kiến thức địa lí vào việc giải thích các mối quan hệ nhân quả phức tạp trong thiên nhiên, cũng như giữa thiên nhiên và hoạt động kinh tế của con người, các mối liên hệ trong dân cư, xã hội, kinh tế,...; giải quyết các vấn đề của tự nhiên, kinh tế – xã hội, nhất là các vấn đề thực tiễn cấp nhật, có tính thời sự của thế giới, đất nước và địa phương.

– Đối với học sinh ở các vùng khó khăn (biên giới, hải đảo, vùng hay bị lũ lụt làm gián đoạn việc học tập,...): giáo viên cần phát triển chương trình theo hướng cơ bản, thiết thực, có thể tổ chức thành các mô-đun hoặc chủ đề học tập để học sinh dễ hiểu, dễ vận dụng kiến thức.

– Đối với học sinh khuyết tật: Giáo viên cần chú trọng việc dạy học để học sinh khuyết tật hoà nhập với cộng đồng. Đối với mỗi loại khuyết tật khác nhau cần có cách thức dạy học thích hợp phù hợp với điều kiện của nhà trường, địa phương.

3. Thiết bị dạy học tối thiểu

Thiết bị dạy học môn Địa lí dùng chung cho tất cả các hoạt động học lí thuyết, làm bài tập, thực hành; học có hướng dẫn và tự học; sử dụng trong phòng và trên thực địa; dùng để truyền đạt, trình diễn, minh hoạ, chứng minh, phân tích, giải thích,...

Theo nguồn gốc hình thành, các thiết bị dạy học môn Địa lí được chia thành các nhóm sau:

3.1. Nhóm thiết bị in ấn

– Các bản đồ giáo khoa treo tường (phù hợp với từng chủ đề, nội dung của các lớp học).

– Atlat Địa lí Việt Nam; Tập bản đồ địa lí tự nhiên đại cương, địa lí các châu lục, địa lí thế giới.

– Các biểu đồ, sơ đồ, lược đồ, lát cắt, tờ bản đồ để bàn.

– Tranh ảnh về các sự vật, hiện tượng địa lí tự nhiên và địa lí kinh tế – xã hội.

– Tài liệu, tư liệu (niên giám thống kê, số liệu kinh tế – xã hội các nước và lãnh thổ trên thế giới, tư liệu kinh tế – xã hội Việt Nam và các nước trên thế giới,...).

3.2. Nhóm thiết bị dụng cụ

- Mô hình (quả địa cầu, mô hình vận động quay của Trái Đất,...).
- Mẫu vật về tự nhiên (các mẫu đá, khoáng vật,...).
- Các dụng cụ, thiết bị thông thường để quan sát trong môi trường tự nhiên, kinh tế – xã hội (địa bàn, nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế, máy ảnh,...).
- Một số dụng cụ thực hành, thực địa (dùng để đo vẽ theo yêu cầu của môn học; vẽ sơ đồ, biểu đồ các loại, tính toán, xử lý số liệu, tài liệu,...).

3.3. Nhóm thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông:

- Các phần mềm dạy học, video clips được biên tập cho mục đích giáo dục, phù hợp với nội dung của từng chủ đề.
- Các thư viện số (digital) chứa các kho tư liệu dạy học địa lí.
- Mạng Internet và máy tính, máy chiếu, màn hình,... kết nối.

3.4. Nhóm thiết bị cố định lãnh thổ

– Phòng bộ môn Địa lí (nếu có điều kiện) có sức chứa ít nhất bằng 1,5 lần lớp học để vừa dùng làm nơi học tập, vừa làm nơi cất giữ và sử dụng các thiết bị học tập, có trang bị tốt bàn ghế, bảng, màn chiếu, đèn chiếu,... làm thành một lớp học sức chứa tối đa 45 học sinh; trang bị các thiết bị dạy học địa lí và các dụng cụ cất giữ thiết bị (tủ đứng, tủ ngang, giá sách, giá treo bản đồ,...).

– Không gian trải nghiệm (nếu có điều kiện): có không gian trải nghiệm phục vụ cho việc học tập, trong đó có môn Địa lí thích hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường, địa phương.

4. Một số thuật ngữ chủ yếu dùng trong văn bản chương trình môn học

Địa lí tự nhiên: Địa lí tự nhiên nghiên cứu một cách tổng hợp các thành phần cấu thành nên lớp vỏ địa lí của Trái Đất cũng như các bộ phận lãnh thổ khác nhau của Trái Đất. Địa lí tự nhiên thường được phân chia thành địa lí tự nhiên đại cương (nghiên cứu các quy luật chung của lớp vỏ địa lí) và các khoa học địa lí tự nhiên bộ phận nghiên cứu các địa quyển (như địa mạo học nghiên cứu về địa hình; khí hậu học và khí tượng học nghiên cứu về khí quyển; thủy văn học nghiên cứu về sông, hồ, nước ngầm; thổ nhưỡng học nghiên cứu về lớp đất; địa lí sinh vật nghiên cứu về các quần xã thực vật và động vật, các hệ sinh thái,...).

Địa lí kinh tế – xã hội: Địa lí kinh tế – xã hội nghiên cứu tổ chức lãnh thổ về kinh tế – xã hội ở các nước, các vùng, các địa phương khác nhau. Địa lí kinh tế – xã hội bao gồm địa lí dân cư, địa lí kinh tế và địa lí xã hội.

Địa lí dân cư: Địa lí dân cư nghiên cứu các quy luật và đặc điểm không gian về sự hình thành và phát triển của cơ cấu dân cư hiện đại và của các điểm dân cư trong các điều kiện tự nhiên, lịch sử, kinh tế và xã hội khác nhau.

Địa lí xã hội: Địa lí xã hội nghiên cứu các quá trình không gian và các hình thức tổ chức lãnh thổ đời sống của con người, mà trước hết là trên quan điểm về điều kiện lao động, sinh hoạt, nghỉ dưỡng, phát triển nhân cách và tái sản xuất đời sống con người. Nhiều vấn đề đặc thù của địa lí xã hội như địa lí về giới, địa lí về chất lượng cuộc sống,...

Địa lí kinh tế: Địa lí kinh tế nghiên cứu tổ chức lãnh thổ sản xuất xã hội, các quá trình không gian và các hình thức tổ chức đời sống của con người trước hết là từ quan điểm hiệu quả sản xuất. Địa lí kinh tế bao gồm nhiều khoa học bộ phận như địa lí nông nghiệp, địa lí công nghiệp, địa lí dịch vụ, địa lí thương mại, địa lí giao thông vận tải,...

Địa lí vùng: Địa lí vùng nghiên cứu về các bộ phận lãnh thổ thường là ở trong phạm vi một quốc gia, được phân biệt bởi các ranh giới. Về tự nhiên, vùng được hiểu với nhiều cấp độ khác nhau, ví dụ như: miền, khu,... địa lí tự nhiên. Về kinh tế, có nhiều loại vùng khác nhau, như: vùng kinh tế ngành, vùng kinh tế tổng hợp, vùng kinh tế trọng điểm,... Mỗi vùng có những đặc điểm riêng, khác với vùng khác về tự nhiên, dân cư, xã hội, kinh tế và có mối liên hệ trong vùng với nhau, cũng như với các vùng khác.

Vị trí địa lí: Vị trí địa lí là vị trí của đối tượng địa lí đối với bề mặt Trái Đất cũng như đối với các đối tượng khác mà chúng có quan hệ tương tác với nhau. Vị trí địa lí là đặc trưng quan trọng của đối tượng, vì ở một mức độ đáng kể, nó cung cấp biểu tượng về các điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế – xã hội cũng như các đặc điểm địa phương của sự định vị đối tượng. Vị trí địa lí được xác định nhờ tọa độ địa lí. Có thể đánh giá vị trí địa lí về các phương diện khác nhau: vị trí địa lí tự nhiên, vị trí địa lí kinh tế, vị trí địa lí vận tải, vị trí địa lí quân sự, vị trí địa chiến lược (địa chính trị),...

Đối tượng địa lí: Đối tượng địa lí là các sự vật, hiện tượng, quá trình,... tự nhiên hay nhân tạo như là chỉnh thể, tương đối tĩnh ở trong lớp vỏ địa lí. Mỗi đối tượng địa lí đều có vị trí địa lí xác định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

Tài liệu tiếng Việt

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII (1998), *Nghị quyết số 03-NQ/TW về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương khoá XI (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương khoá XI (2014), *Nghị quyết số 33-NQ/TW về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*.
4. Quốc hội khoá XI (2005), *Luật Giáo dục*.
5. Quốc hội khoá XII (2009), *Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục*.
6. Quốc hội khoá XIII (2014), *Nghị quyết số 88/2014/QH13 về đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông*.
7. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định số 404/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*.
8. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1981/QĐ-TTg phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân*.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lí* (Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), NXB Giáo dục.
10. Nguyễn Thị Bình (Chủ biên, 2016), *Hệ giá trị – mục tiêu phát triển nhân cách người học của hệ thống giáo dục*, NXB Giáo dục Việt Nam.
11. Phạm Minh Hạc (2011), *Triết lý giáo dục thế giới và Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam.
12. Nhiều tác giả (2010), *Cải cách giáo dục ở các nước phát triển: Cải cách giáo dục ở Anh*, NXB Giáo dục Việt Nam.
13. Nhiều tác giả (2010), *Cải cách giáo dục ở các nước phát triển: Cải cách giáo dục ở Đức*, NXB Giáo dục Việt Nam.

14. Nhiều tác giả (2010), *Cải cách giáo dục ở các nước phát triển: Cải cách giáo dục ở Nhật Bản và Ôxtrâyliia*, NXB Giáo dục Việt Nam.
15. Nhiều tác giả (2010), *Cải cách giáo dục ở các nước phát triển: Cải cách giáo dục ở Mỹ* (4 tập), NXB Giáo dục Việt Nam.
16. Sahlberg, P. (2016), *Bài học Phần Lan 2.0: Chúng ta có thể học được gì từ cải cách giáo dục Phần Lan?*, NXB Thế giới.
17. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (2011), *Kinh nghiệm quốc tế về phát triển chương trình giáo dục phổ thông*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
18. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (2016), *Xu thế phát triển chương trình giáo dục phổ thông trên thế giới*, NXB Giáo dục Việt Nam.

Tài liệu tiếng nước ngoài

A. Tài liệu tiếng Anh, tiếng Pháp

1. Zoran Curić, Ružica Vuk, Martina Jakovčić (2007), *Geography Curricula for Compulsory Education in 11 European Countries – Comparative Analysis*. Metodika 15, 467 – 493.
2. Casey Jones (2009), *Interdisciplinary Approach – Advantages, Disadvantages, and the Future Benefits of Interdisciplinary Studies*. ESSAI: Vol. 7, Article 26.
3. UK Department for Education (2013), *The National Curriculum in England: Framework Document*.
4. National Council for Geographic Education, *Geography for Life: National Geography Standards, second edition*, <http://www.ncge.org/geography-for-life>.
5. National Geography Standards Overview, from [https://www.pdx.edu/geography-education/sites/www.pdx.edu.geography-education/files/7_Standards_Overview\[2\].pdf](https://www.pdx.edu/geography-education/sites/www.pdx.edu.geography-education/files/7_Standards_Overview[2].pdf)
6. Jeana Kriewaldt (series editor) et al. (2001), *Geography in SOSE 1: Introducing Australia and the World*, Macmillan Education Australia.

7. Jeana Kriewaldt (series editor) et al. (2001), *Geography in SOSE 2: Issues in Managing Environment*, Macmillan Education Australia.
8. Raymond Pask (general editor) and al. (2000), *Place and Change – VCE Geography Units 1 – 4*, Geography Teachers' Association of Victoria Inc.
9. Susan Bliss & John Paine (2005), *GEO Active 1 – Stage 4: Global Geography*, 2nd edition, Jacaranda.
10. Sous la direction d'Alain Joyeux (2001), *Géographie*, 2e, Hachette Education.

B. Tài liệu tiếng Nga

1. Министерство Образования Республики Беларусь (2014), *ГЕОГРАФИЯ: Учебная программа для VII – X классов первого отделения вспомогательной школы с русским языком обучения*. Минск.
2. Министерство Образования и Науки Российской Федерации (2014). *Федеральный государственный образовательный стандарт основного общего образования (5 – 9 кл.)* <http://минобрнауки.рф/документы/938>.